



tóu jīn
头巾

noun · headscarf; headwrap

Example Sentences

Tā dài le yī tiáo hóng sè de tóu jīn lái zhē dǎng yáng guāng.
她戴了一条红色的头巾来遮挡阳光。

She wore a red headscarf to block the sunlight.

Zài shā mò lǐ tóu jīn kě yǐ bǎo hù tóu bù miǎn shòu fēng shā.
在沙漠里，头巾可以保护头部免受风沙。

In the desert, a headwrap can protect the head from wind and sand.

Trace each character, then write the word on your own.

头	头	头	头	头	头	头	头				
巾	巾	巾	巾	巾	巾						